

自己紹介 Tự giới thiệu

※日本語かローマ字で記入してください
Vui lòng viết bằng tiếng Nhật hoặc Romaji

氏名 Tên

性別 Giới tính Nam giới/Nữ giới

住所 Địa chỉ nhà

国籍

Quốc tịch

話せる言語

Ngôn ngữ bạn nói

持病

Bệnh mãn tính

常備薬

Thuốc cá nhân

血液型 Nhóm máu A / B / O / AB

Rh + / -

アレルギー

Dị ứng

避難所 Nơi trú ẩn khi có nguy hiểm

ベトナム語版

Trường hợp khẩn cấp

Chỉ và nói

Tập sách cụm từ

緊急時 指差し 会話集



Người hướng dẫn người nước ngoài học đang gặp khó khăn. Hãy giúp anh/chị ấy nếu bạn có thể.

(Thành phố Okazaki)

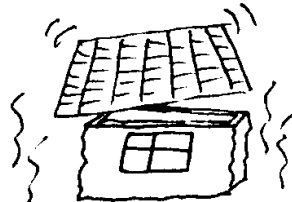
これを提示した外国人は困っています。
できる範囲で助けてくだされば幸いです。

岡崎市

Kyūbyō

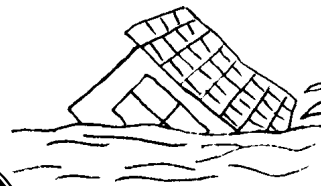
急病

Bệnh đột ngột



Saigai / Kaji
災害・火事

Thảm họa /
hỏa hoạn



Tasukete
助けて！

Giúp tôi!

Kōtsūjiko

交通事故

Tai nạn xe
hơi



Hanzai / Toraburu

犯罪・トラブル

Tội phạm /
Rắc rối

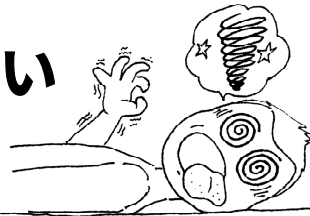


Taoreta / Ugokenai

倒れた・動けない

Ngã xuống/

Không thể di chuyển



Netsu ga deta / Itai

熱が出た・痛い

Sốt cao/

Đau đớn



Kyūbyō

急病

Bệnh đột ngột



Ninshin shiteimasu

妊娠しています

có thai



Kega wo shita

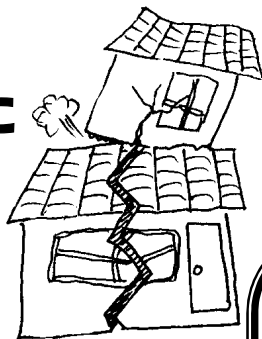
怪我をした

Bị thương

Ie ga kowareta

家が壊れた

Nhà bị hư.

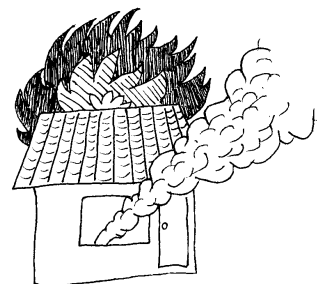


Ie ga moeta

家が燃えた

Nhà đang

cháy.



Saigai / Kaji

災害、火事

Thảm họa / hỏa
hoạn



Yukuefumei

行方不明

Thất lạc

/còn thiếu



Naka ni hito ga iru

中に人がいる

Ai đó vẫn đang

ở trong tòa nhà.

Hito wo haneta

人をはねた

Một người trong khi lái xe.



Kuruma ga kowareta

車が壊れた

Xe bị hư.



Kōtsūjiko

交通事故

Tai nạn xe hơi

Osowareta / Nagurareta

襲われた・殴られた

Bị tấn công / bị đánh



Hanzai

犯罪

Tội ác

Toraburu
トラブル

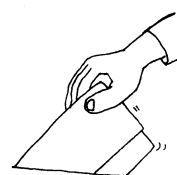
Rắc rối

Surareta / Nakushita

すられた・なくした

Bị móc túi /

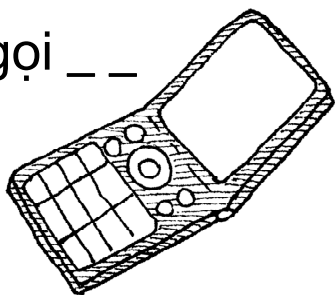
Mất thứ gì đó



__ ni denwa wo shite hoshii

__ __に電話をしてほしい

Tôi muốn bạn gọi __



Nihongo no dekiru

kazoku / yūjin



日本語のできる家族・友人 Gia đình / bạn bè nói tiếng Nhật

①氏名 Tên () No.[- -]

②氏名 Tên () No.[- -]

③氏名 Tên () No.[- -]

Zainichi taishikan

在日大使館 Đại sứ quán tại Nhật Bản No.[- -]

※http://www.mofa.go.jp/about/emb_cons/over/index.html

Libura kokusai kōryū semtā

りぶら国際交流センター LICC 水曜休み(đóng cửa thứ tư)

Trung tâm cộng đồng quốc tế Libra No.[0564-23-3148]

Okazaki shiyakusho

岡崎市役所 土日休み (đóng cửa thứ bảy và chủ nhật)

Tòa thị chính Okazaki No.[0564-23-6480]

__ ga hoshii/Tsukawasete

__ がほしい・使わせて

Đưa cho tôi _ /

Hãy để tôi sử dụng__



Keisatsu

警察 Cảnh sát  110

Kyūkyūsha

救急車 Xe cứu thương

Shōbōsha

消防車 Xe cứu hỏa

Takushī

タクシー Xe tắc xi

No.[-]



119



Mizu

水  Nước

Tabemono

食べ物   Món ăn

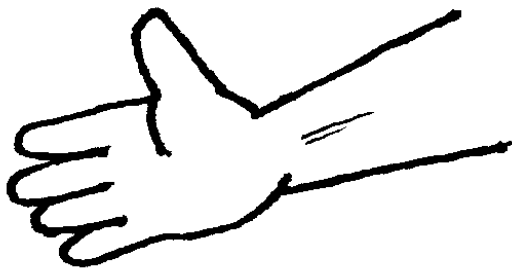
Okane

お金   Tiền bạc

Tetsudatte hoshii

手伝ってほしい

tôi cần bạn giúp



Kodomo / kazoku wo sagashite

子ども・家族を探して

Giúp tôi tìm con /
thành viên gia
đình



__ e tsureteitte

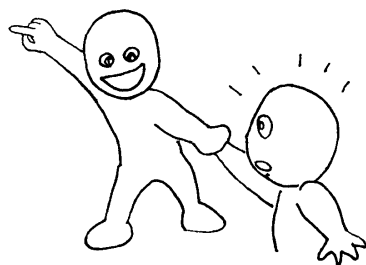
__ __へ連れて行って

Đưa tôi tới __

Chizu wo kaite

地図を書いて

Vẽ bản đồ tới __



Byōin

病院

Bệnh viện



Hinanjo

避難所

Nơi trú ẩn



Keisatsusho / Kōban

警察署・交番

Đồn cảnh sát



Kōshūdenwa

公衆電話

Điện thoại công cộng



Toire

トイレ

Phòng vệ sinh



Shiyakusho

市役所

Toà thị chính



Michi ni mayoimashita koko wa doko?

道に迷いました。

ここはどこ？

Tôi bị lạc.

Tôi đang ở đâu



Tsūyaku wo yonde hoshii

通訳を呼んでほしい

Mang theo

thông dịch viên.



Dōshiteiika wakaranai

どうしていいか

分からない

Tôi không có ý tưởng gì
để làm.

